



Hội đồng Doanh nghiệp vì sự
Phát triển Bền vững Việt Nam



BÁO CÁO

TÁC ĐỘNG CỦA BỘ CHỈ SỐ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG (CSI) TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

giai đoạn 2016 - 2018



Vui lòng quét mã để truy cập website vbcSD.vn:

Trang lót

LỜI TỰA

Sẽ không có nền kinh tế tăng trưởng bền vững nếu thiếu đi một cộng đồng doanh nghiệp bền vững. Xây dựng một cộng đồng doanh nghiệp phát triển bền vững là định hướng mà Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã đặt ra từ nhiều năm trước. VCCI đã cụ thể hóa định hướng đó thông qua nhiều chương trình hành động, hoạt động hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, và đặc biệt là thành lập Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) năm 2010. Cũng với tinh thần đó, rất nhanh chóng sau khi Chương trình nghị sự 2030 với trọng tâm là 17 Mục tiêu phát triển bền vững



(SDG) được thông qua vào năm 2015, VCCI đã giới thiệu đến cộng đồng doanh nghiệp **Bộ chỉ số Doanh nghiệp phát triển bền vững (CSI) và Chương trình đánh giá, công bố doanh nghiệp bền vững** (“Chương trình”) vào năm 2016.

Là bộ chỉ số duy nhất sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, CSI được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận là công cụ quản trị doanh nghiệp hiệu quả, giúp hỗ trợ đắc lực cho doanh nghiệp khi lập chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển bền vững. Không chỉ dừng lại ở đó, doanh nghiệp cũng có thể sử dụng Bộ chỉ số CSI để xây dựng báo cáo bền vững (BCBV). Theo kết quả khảo sát năm 2019 của Mạng lưới Hiệp ước toàn cầu (UNGC), các doanh nghiệp ngày càng cam kết mạnh mẽ hơn với việc công bố minh bạch thông tin về các hoạt động phát triển bền vững. Cụ thể, theo UNGC, từ năm 2000, đã có gần 65,000 báo cáo bền vững được thực hiện. Cũng theo Sáng kiến Báo cáo toàn cầu, hiện nay đã có trên 30 quốc gia đưa ra qui định thực hiện BCBV vào khung pháp lý mang tính bắt buộc đối với các doanh nghiệp. Như vậy có thể thấy BCBV đang dần trở thành một thông lệ quốc tế, và trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, BCBV sẽ trở thành kênh thông tin quan trọng giúp doanh nghiệp thu hút nhà đầu tư hiệu quả hơn. Theo đó, áp dụng Bộ chỉ số CSI và xây dựng BCBV chính là cách giúp tạo lập và củng cố lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Kể từ khi được chính thức triển khai vào năm 2016 theo chỉ đạo của Chính phủ, Chương trình đã góp phần lan tỏa rộng rãi Bộ chỉ số CSI trong cộng đồng doanh nghiệp, thúc đẩy mạnh mẽ các doanh nghiệp thực hiện phát triển bền vững. CSI và Chương trình đã mang đến những thay đổi như thế nào cho doanh nghiệp? Để trả lời cho câu hỏi đó, VBCSD-VCCI đã thực hiện một nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của Bộ chỉ số CSI đối với hoạt động quản trị doanh nghiệp của những doanh nghiệp đã được biểu dương Doanh nghiệp bền vững trong 03 năm (2016-2017-2018). Kết quả cho thấy các doanh nghiệp sau khi tham gia chương trình có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ năng suất lao động được cải thiện đáng kể so với trước khi tham gia, cũng như vượt trội hơn những doanh nghiệp không tham gia Chương trình.

Ban biên tập hy vọng rằng các kết quả đầu ra và khuyến nghị của nghiên cứu có thể trở thành những gợi ý cho các doanh nghiệp trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển bền vững, giúp lan tỏa hơn nữa việc áp dụng Bộ chỉ số CSI trong cộng đồng doanh nghiệp, và thúc đẩy hoạt động lập BCBV trở nên phổ biến hơn, từ đó giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của cộng đồng doanh nghiệp.

Ông Nguyễn Quang Vinh
Tổng Thư ký VCCI
Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký VBCSD

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	6
DANH MỤC HÌNH.....	7
DANH MỤC BẢNG.....	7
1. BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU.....	8
2. PHƯƠNG PHÁP LUẬN.....	10
2.1. MỤC TIÊU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ.....	10
2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	10
3. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÁC CHỈ SỐ VỀ QUẢN TRỊ, LAO ĐỘNG – XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP THEO BỘ CHỈ SỐ CSI.....	10
3.1. LĨNH VỰC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP.....	10
3.1.1. Các chỉ số trong lĩnh vực quản trị bền vững.....	10
3.1.2. Chỉ số về minh bạch thông tin.....	11
3.2. LĨNH VỰC QUAN HỆ LAO ĐỘNG VÀ CỘNG ĐỒNG.....	13
3.2.1. Các chỉ số về chế độ lao động.....	13
3.2.2. Chính sách về an sinh xã hội.....	14
3.2.3. Các chỉ số về dân chủ ở nơi làm việc và thoả ước lao động.....	15
3.2.4. Các chỉ số về quan hệ cộng đồng.....	16
3.3. LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	16
4. TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CSI ĐẾN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP.....	17
4.1. TÁC ĐỘNG ĐẾN KẾT QUẢ SẢN XUẤT – KINH DOANH.....	17
4.2. TÁC ĐỘNG ĐẾN NĂNG LỰC CẠNH TRANH.....	18
4.3. KẾT LUẬN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG BỘ CHỈ SỐ CSI TỚI HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP.....	19
5. KHUYẾN NGHỊ.....	19
5.1. KHUYẾN NGHỊ VỚI VCCI – VSBCD.....	20
5.2. KHUYẾN NGHỊ VỚI CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ NGÀNH.....	20
5.3. VỚI CÁC DOANH NGHIỆP.....	21

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DN	Doanh nghiệp
DN FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
LHQ	Liên hợp quốc
PTBV	Phát triển bền vững
PTTNK	Phát triển Thiên niên kỷ
BCBV	Báo cáo bền vững
TNK	Thiên niên kỷ
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
VBCSD	Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
SXKD	Sản xuất kinh doanh
NLĐ	Người lao động
VNĐ	Việt Nam Đồng

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Tỷ lệ DN đang thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực quản trị DN bền vững	11
Hình 2. Tỷ lệ DN thực hiện các chỉ số PTBV về quản trị bền vững theo mốc thời gian trước và sau năm 2016 (%).....	11
Hình 3. Tỷ lệ DN đang thực hiện các hoạt động về lập và công bố báo cáo PTBV	12
Hình 4. Tỷ lệ DN có thực hiện các chỉ số PTBV về lập và công bố báo cáo PTBV theo mốc thời gian trước và sau năm 2016 (%)	12
Hình 5. Tỷ lệ DN đang thực hiện các tiêu chí chế độ lao động	13
Hình 6. Tỷ lệ DN có điều chỉnh các quy định về chế độ lao động so với năm 2016.....	14
Hình 7. Tỷ lệ DN áp dụng những chính sách an sinh xã hội đối với người lao động.....	15
Hình 8. Tỷ lệ DN đã thực hiện chỉ số PTBV liên quan đến dân chủ tại nơi làm việc và thỏa ước lao động tập thể	15
Hình 9. Tỷ lệ DN thực hiện các chỉ số liên quan đến quan hệ cộng đồng tại địa phương.....	16
Hình 10. Tỷ lệ DN đang thực hiện các chỉ số PTBV liên quan đến bảo vệ môi trường.	17
Hình 11. Tỷ lệ DN đánh giá có hoạt động tốt hơn so với đối thủ cạnh tranh	19

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Kết quả hoạt động SXKD – năng suất lao động	18
---	----

1. BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU

Phát triển Bền vững (PTBV) là xu thế tất yếu của thời đại nhằm hướng tới một thế giới dựa trên những tiêu chí quyền lợi công bằng và toàn diện, đi cùng với phát triển là bảo vệ môi trường, đem lại lợi ích cho tất cả mọi người, bao gồm phụ nữ, những người trẻ và các thế hệ tiếp theo. Chương trình nghị sự 2030 đã được 191 Quốc gia Thành viên của Liên hợp quốc (LHQ) thông qua vào tháng 9 năm 2015 và chính thức có hiệu lực từ tháng 1 năm 2016 với 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (PTBV), được xác định bởi 169 mục tiêu thành phần và 232 chỉ tiêu cụ thể. Ở Việt Nam, PTBV là một nguyên tắc chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình 2030 về phát triển bền vững ở Việt Nam (Mục tiêu PTBV của Việt Nam Nam bao gồm 17 mục tiêu chung và 115 mục tiêu cụ thể¹) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành năm 2017². Đồng thời PTBV cũng nhận được sự quan tâm và hưởng ứng một cách rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp (DN).

PTBV bao gồm nhiều lĩnh vực liên quan đến môi trường, xã hội và kinh tế. Do vậy để làm sao có thể đo lường nỗ lực và đóng góp của DN là một thách thức đối với tất cả các bên liên quan, bao gồm các nhà quản lý (Nhà nước), các nhà đầu tư, công chúng và chính các DN. Nhận thức được vấn đề này, VCCI-VBCSD từ năm 2014 đã đưa ra các đề xuất về việc thực hiện Báo cáo bền vững (BCBV) ở Việt Nam. BCBV ghi nhận các mục tiêu, thực hiện đo lường những tác động tiêu cực hoặc tích cực đối với môi trường, xã hội và cả nền kinh tế, thông qua đó làm cho các vấn đề trừu tượng trở lên hữu hình và cụ thể. Nhờ vậy, BCBV giúp DN nhận biết về các rủi ro và cơ hội kinh doanh mới và thúc đẩy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, BCBV còn là công cụ giúp DN công bố thông tin một cách minh bạch, có tính giải trình và trách nhiệm tới nhiều bên liên quan như nhân viên, khách hàng, bạn hàng, nhà cung cấp, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng, nhà đầu tư, chính phủ và giới truyền thông. Từ đó có thể giúp DN nâng cao đáng kể giá trị về uy tín và năng lực kinh doanh. Có thể thấy BCBV là cách thức mới để xây dựng và định lượng giá trị của doanh nghiệp trong xu thế toàn cầu.

Theo Sáng kiến Báo cáo toàn cầu, hiện nay đã có trên 30 quốc gia đưa quy định thực hiện BCBV vào khung pháp lý. Ở Việt Nam, văn bản pháp lý đầu tiên yêu cầu công bố thông tin về phát triển bền vững của các DN (nhưng chỉ đối với các DN niêm yết) là Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Tới nay quy định này chỉ chi phối một nhóm khoảng 600 DN niêm yết trên sàn chứng khoán và được những công ty đa quốc gia hay những doanh nghiệp có qui mô hoạt động sản xuất, kinh doanh lớn chú trọng thực hiện.

Là một trong nhiều sáng kiến nổi bật của VCCI-VBCSD về thúc đẩy phát triển bền vững trong cộng đồng DN Việt Nam, Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững (Corporate Sustainability Index-CSI) được xây dựng như là thước đo giá trị của doanh nghiệp dựa

¹Xem thêm về Mục tiêu PTBV của Việt Nam tại

<https://vietnam.opendevelopmentmekong.net/vi/topics/sustainable-development-goals/#ref-2623916-11>

² Quyết định số 622/QĐ-TTg Về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ngày 10/5/2017.

trên các tiêu chí về phát triển bền vững trong các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội, phù hợp với bối cảnh chính trị xã hội trong nước cũng như thông lệ quốc tế. Bộ chỉ số CSI còn là một công cụ hỗ trợ việc quản trị doanh nghiệp, quản lý các thay đổi, ứng phó với rủi ro nhằm làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được bền vững hơn. Bộ Chỉ số CSI còn là công cụ hỗ trợ DN trong việc hệ thống hoá các tài liệu và chỉ số nhằm xây dựng khung nội dung và các chỉ số báo cáo PTBV cho DN.

Ngày 15/12/2015 Văn phòng Chính phủ đã ban hành Thông báo 398/TB-VPCP về việc yêu cầu Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) ***hoàn thiện Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững (CSI) để từ năm 2016 phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tiến hành xếp hạng và tôn vinh các doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững.*** Tiếp đó, Nghị quyết 19-2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 cũng giao nhiệm vụ cho VCCI và các Hội/Hiệp hội có liên quan phối hợp với các Bộ, ngành áp dụng Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững CSI để triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp bền vững và thực hiện đánh giá xếp hạng doanh nghiệp bền vững hàng năm thông qua áp dụng Bộ chỉ số CSI (Điều 24). Năm 2019, Chương trình và Bộ Chỉ số đã được VCCI đưa vào Kế hoạch triển khai Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ hướng đến việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong buổi lễ Phát động Chương trình đánh giá, công bố các Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam năm 2019 vào tháng 5/2019 vừa qua, Ông Nguyễn Quang Vinh, Tổng Thư ký VCCI, Phó Chủ tịch VBCSD đã khẳng định rằng “*Bộ chỉ số CSI là những gợi ý cơ bản dành cho các doanh nghiệp mới bắt đầu chuyển mình sang chiến lược phát triển bền vững, là thang đánh giá chi tiết về hiệu quả thực hiện phát triển bền vững dành cho doanh nghiệp đã có kinh nghiệm trong việc thực hiện định hướng này. Bộ chỉ số CSI là trợ thủ đắc lực cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị và đầu tư, hướng đến hoạt động kinh doanh có trách nhiệm hơn, tạo dựng sự thịnh vượng bền vững.*”

Nhằm giúp cộng đồng DN nâng cao năng lực PTBV trong quản trị và lập chiến lược kinh doanh, VCCI-VBCSD đã thực hiện “Chương trình đánh giá, công bố các DN bền vững tại Việt Nam” (sau đây gọi là Chương trình) từ năm 2016 đến nay. Trong đó, Bộ chỉ số CSI được sử dụng làm cơ sở đánh giá, xếp hạng các DN phát triển bền vững. Theo VCCI-VBCSD, sau ba năm thực hiện Chương trình đã tạo ra những ảnh hưởng trong cộng đồng DN tại Việt Nam trong việc khích lệ DN chú trọng hơn tới PTBV, đặt ra kế hoạch, và thực thi các chiến lược PTBV trong quá trình hoạt động kinh doanh³. Nhằm cung cấp cho DN, Chính phủ và các đối tác liên quan các số liệu thực tế và khách quan về thay đổi của các DN khi tham gia Chương trình, VCCI-VBCSD thực hiện khảo sát đánh giá tác động của Chương trình trong quản trị DN, xây dựng kế hoạch với mục tiêu PTBV.

³ <http://www.vccinews.vn/news/19804/vietnampfa>

2. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

2.1. Mục tiêu khảo sát đánh giá

Khảo sát “**Đánh giá quá trình PTBV của DN tham dự Chương trình đánh giá, công bố các DN bền vững tại Việt Nam giai đoạn 2016-2018**” nhằm:

- Đánh giá thực trạng khuôn khổ pháp lý trong việc áp dụng bộ chỉ số CSI trong quản trị DN;
- Đánh giá tác động của việc sử dụng bộ chỉ số CSI đối với hoạt động của DN sau 2-3 năm áp dụng;
- Đưa ra các gợi ý cho các DN trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược PTBV;
- Đưa ra các khuyến nghị với VCCI-VBCSD và các Hiệp hội doanh nghiệp hướng tới lan tỏa hơn nữa việc áp dụng Bộ chỉ số CSI trong cộng đồng doanh nghiệp;
- Đưa ra các kiến nghị với Chính phủ trong việc xây dựng chính sách, triển khai và công bố thông tin cập nhật về PTBV.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để có thể đánh giá một cách rõ ràng, khách quan tác động của việc áp dụng Bộ chỉ số CSI tới hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của DN, nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp đối chứng hoạt động và kết quả của DN trước và sau khi đã tham gia Chương trình (trước và sau năm 2016) và so sánh nhóm DN đã tham gia Chương trình và nhóm DN chưa/không tham gia Chương trình (sau đây gọi là nhóm DN đối chứng). Dữ liệu/thông tin được thu thập từ cả nguồn sơ cấp (khảo sát bằng hỏi và Phỏng vấn sâu với Doanh nghiệp) và nguồn thứ cấp từ việc rà soát tài liệu và tổng hợp thông tin từ báo cáo, nghiên cứu về việc thực hiện Chương trình Đánh giá, Công bố các DN Bền vững Việt Nam hàng năm và dữ liệu tổng hợp các bảng đánh giá của các DN tham gia vào Chương trình.

Tổng cộng có gần 98 DN gồm 57 DN trong nhóm DN đã tham gia Chương trình và 41 DN trong nhóm đối chứng đã tham gia khảo sát thông qua gửi bảng trả lời khảo sát (trực tuyến qua email/form trả lời online và qua đường bưu điện và phỏng vấn trực tiếp DN được tiến hành trong tháng 7/2019).

3. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÁC CHỈ SỐ VỀ QUẢN TRỊ, LAO ĐỘNG – XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP THEO BỘ CHỈ SỐ CSI

3.1. Lĩnh vực quản trị doanh nghiệp

3.1.1. Các chỉ số trong lĩnh vực quản trị bền vững

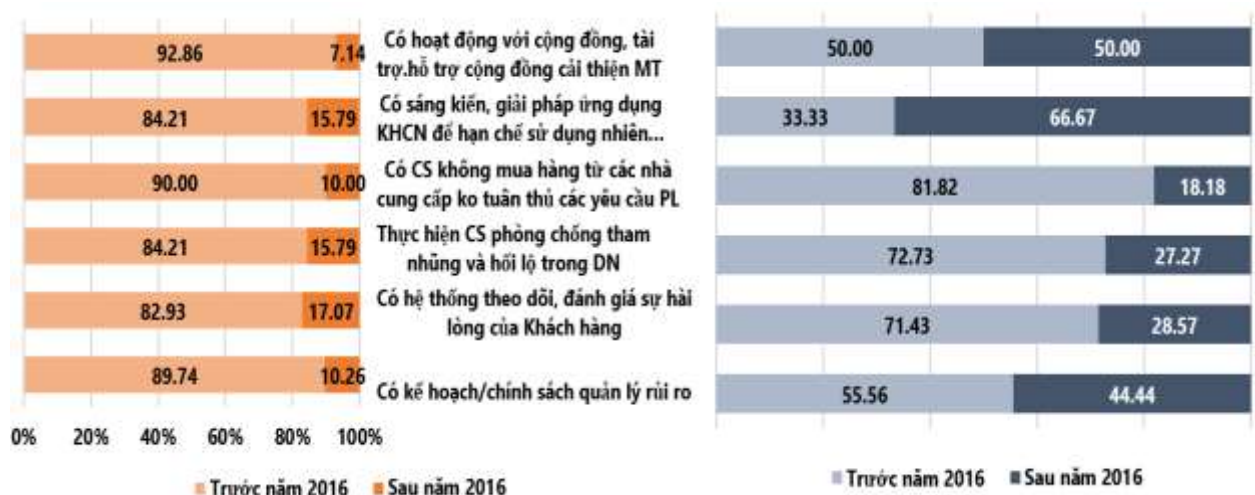
Khảo sát cho thấy so với nhóm DN chưa tham gia Chương trình (nhóm đối chứng), tỷ lệ DN đã tham gia Chương trình đang thực hiện các chỉ số về quản trị bền vững cao hơn rất nhiều. Cụ thể là có tới 70% đến 90% các DN có tham gia Chương trình đều đang thực hiện các hoạt động liên quan đến quản trị bền vững như *có hệ thống giám sát sự hài lòng của khách hàng, có Chính sách (CS) phòng chống tham nhũng và hối lộ, có hoạt động với cộng đồng và bảo vệ môi trường*. Tỷ lệ này ở nhóm đối chứng chỉ khoảng 50%.

Hình 1. Tỷ lệ DN đang thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực quản trị DN bền vững



Một điểm đáng lưu ý là, trong số những DN đang thực hiện các chỉ số quản trị bền vững này, tỷ lệ khá cao các DN đã tham gia Chương trình đã triển khai từ trước năm 2016. Thực tế Bộ Chỉ số CSI đã được xây dựng và đưa vào thử nghiệm từ năm 2014 do đó việc có những DN biết và áp dụng các chỉ số này vào thực tế từ trước khi chính thức có Chương trình không phải là điều khó lý giải. Đặc biệt với một số DN lớn như Tập đoàn Bảo Việt, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam, Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam ... và một số các DN đa quốc gia đã tiên phong thực hiện BCBV. Tuy nhiên kết quả khảo sát cũng cho thấy được tính chủ động của nhóm DN đã tham gia Chương trình với PTBV.

Hình 2. Tỷ lệ DN thực hiện các chỉ số PTBV về quản trị bền vững theo mốc thời gian trước và sau năm 2016 (%)

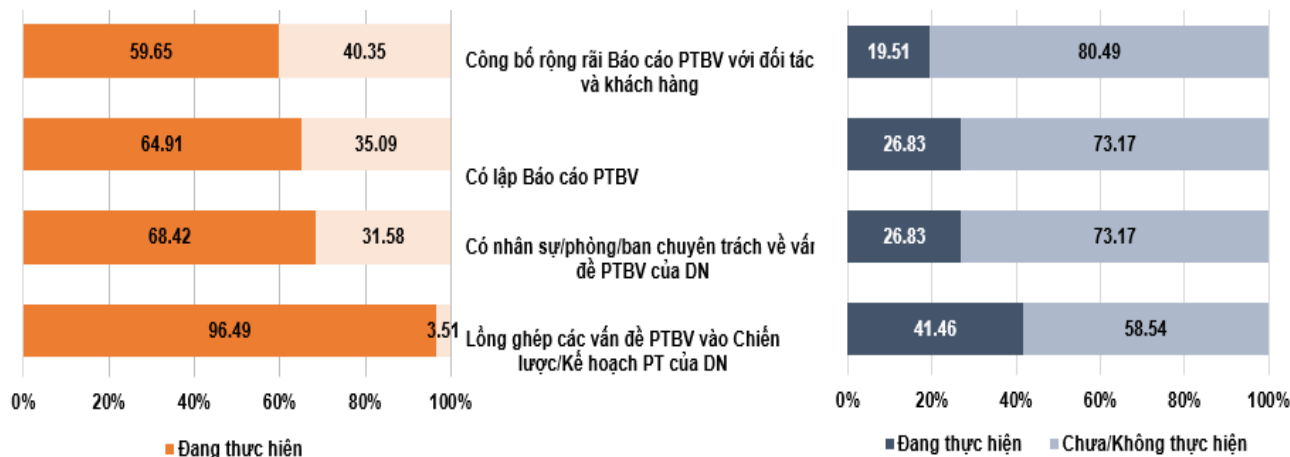


3.1.2. Chỉ số về minh bạch thông tin

Khảo sát cho thấy nhóm DN đã tham gia Chương trình có tỷ lệ cao hơn hẳn so với nhóm DN đối chứng trong việc lồng ghép các vấn đề về PTBV vào các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như theo dõi việc thực hiện các vấn đề PTBV. Hơn nữa, phần lớn các DN

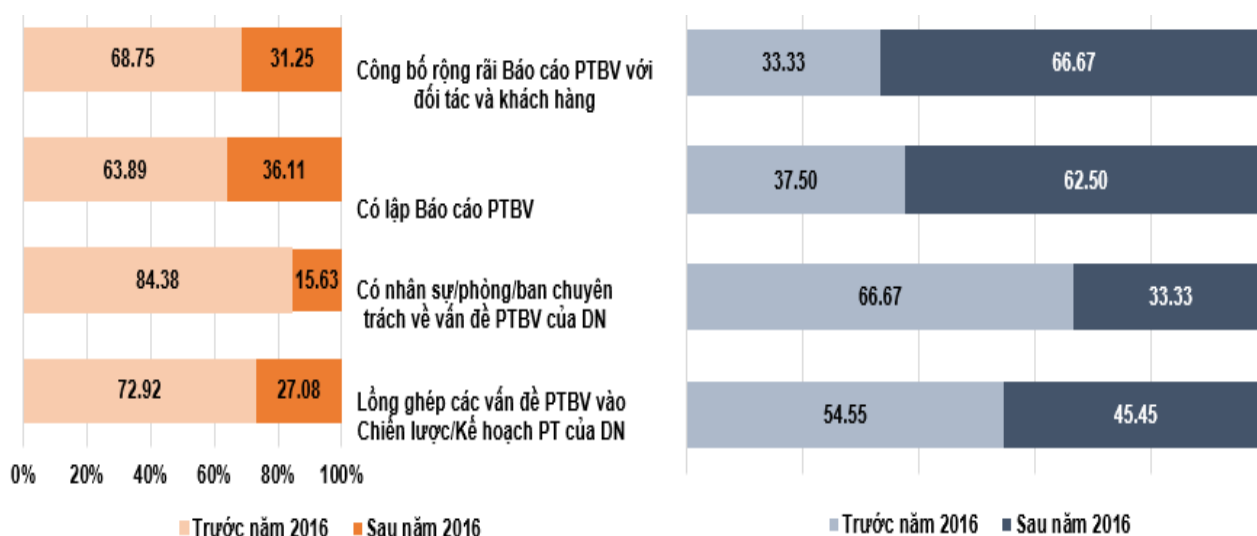
đã tham gia Chương trình đều đã triển khai thực hiện lập báo cáo PTBV (khoảng 65%), gấp khoảng 3 lần so với các DN ở nhóm chưa tham gia Chương trình. (Hình 3). Tuy nhiên không phải DN nào lập BCBV cũng công bố rộng rãi báo cáo này với đối tác và khách hàng, tỷ lệ DN công bố rộng rãi BCBV chỉ khoảng gần 60% ở nhóm DN đã tham gia và chưa đến 20% ở nhóm DN đối chứng.

Hình 3. Tỷ lệ DN đang thực hiện các hoạt động về lập và công bố báo cáo PTBV



Trong số các DN đã thực hiện hoạt động minh bạch thông tin, phần lớn các DN thuộc nhóm tham gia Chương trình đã có và triển khai từ trước năm 2016. Tuy nhiên tỷ lệ lập báo cáo và công bố rộng rãi báo cáo này trước năm 2016 chỉ khoảng 60%, thấp hơn tỷ lệ DN đã lồng ghép và sắp xếp nhân sự cho hoạt động theo dõi PTBV. Tỷ lệ này ở nhóm DN đối chứng thấp hơn. Đáng chú ý là sau khi có Chương trình đánh giá, công bố, tỷ lệ các DN ở nhóm đối chứng có quan tâm đến hoạt động lập BCBV và công bố Báo cáo này tăng lên đáng kể. Điều này phần nào cho thấy tác động, thúc đẩy từ phía các cơ quan quản lý tới minh bạch hoá thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

Hình 4. Tỷ lệ DN có thực hiện các chỉ số PTBV về lập và công bố báo cáo PTBV theo mốc thời gian trước và sau năm 2016 (%)



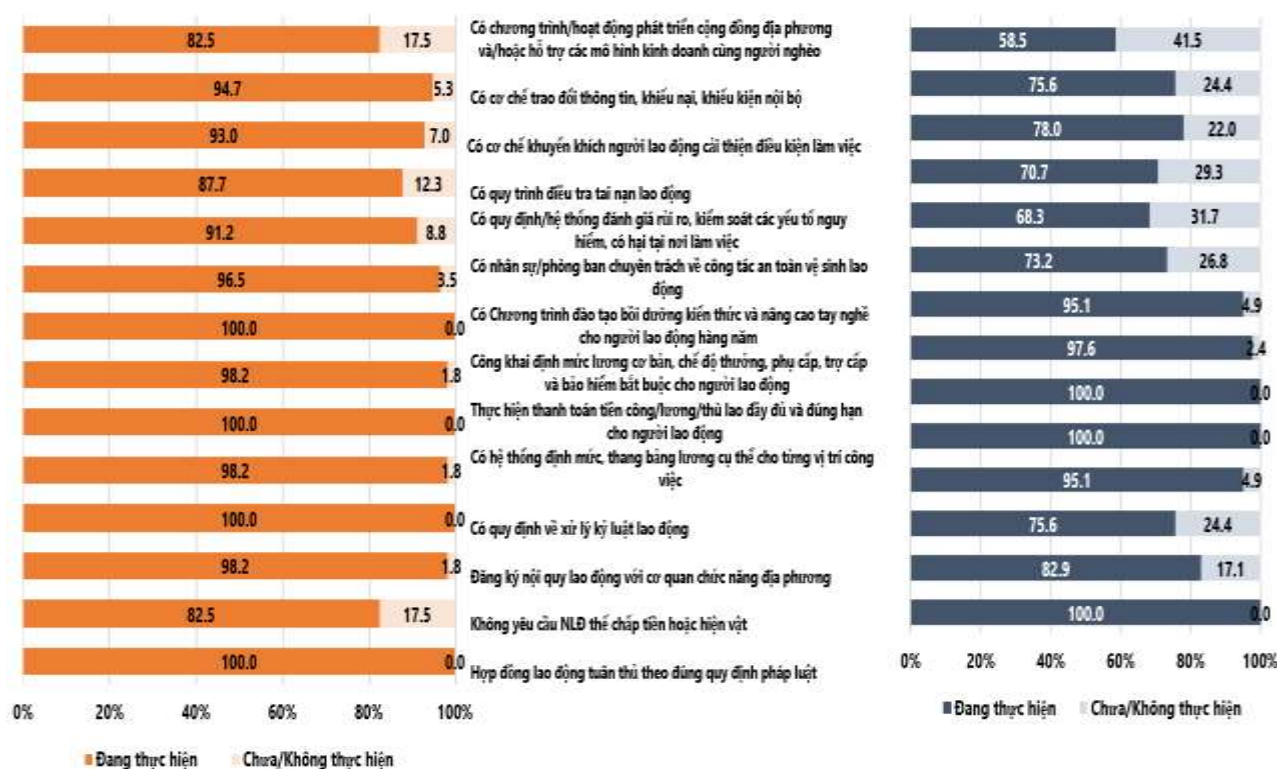
3.2. Lĩnh vực quan hệ lao động và cộng đồng

3.2.1. Các chỉ số về chế độ lao động

Các chỉ số liên quan đến chế độ lao động như lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp, bảo hiểm và hợp đồng lao động là các chỉ số cơ bản trong Bộ chỉ số CSI. Hầu hết các chỉ số này tương ứng với các quy định hiện hành trong Luật Lao động và Luật Doanh nghiệp. Do đó, gần như toàn bộ các DN đều tuân thủ đầy đủ các chỉ số này cho dù DN có tham gia Chương trình hay không.

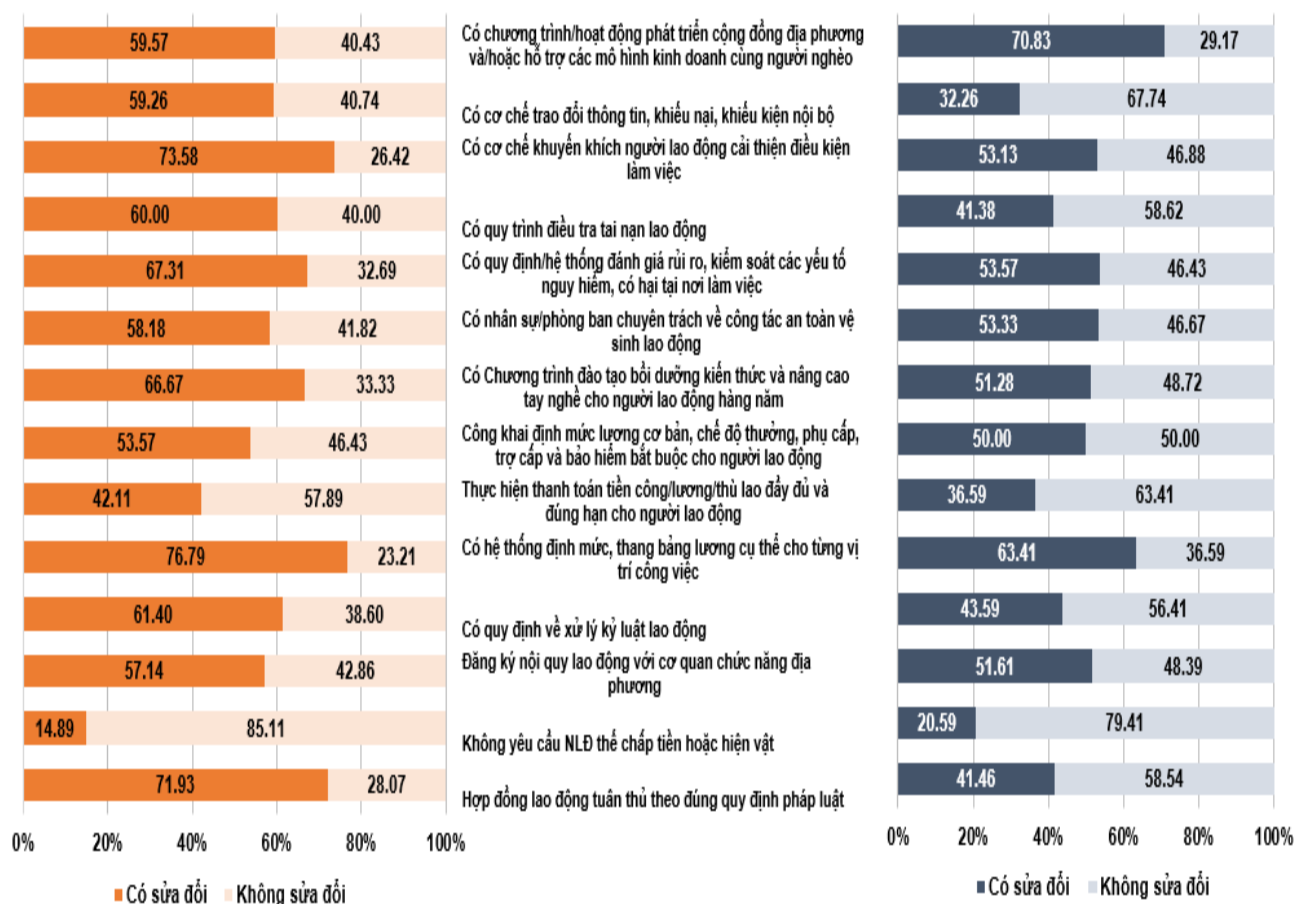
Bên cạnh các chỉ số cơ bản đáp ứng các quy định của pháp luật về quan hệ lao động, nhóm DN tham gia Chương trình còn thực hiện các chỉ số nâng cao bao gồm các tiêu chí về an toàn lao động và nâng cao điều kiện, môi trường lao động trong quan hệ lao động trong khi nhóm đối chứng thực hiện các chỉ số nâng cao này thấp hơn rất nhiều.

Hình 5. Tỷ lệ DN đang thực hiện các tiêu chí chế độ lao động



Xét theo mốc 2016, các DN trong nhóm đã tham gia đã có những điều chỉnh và sửa đổi sau năm 2016 cao hơn so với nhóm DN đối chứng. Điều này là có thể minh chứng cho khả năng thích ứng nhanh chóng của các DN trước những biến động khách quan, hoặc chính các DN trong quá trình quản trị bền vững cũng chủ động có điều chỉnh để phù hợp với thay đổi của môi trường chính sách.

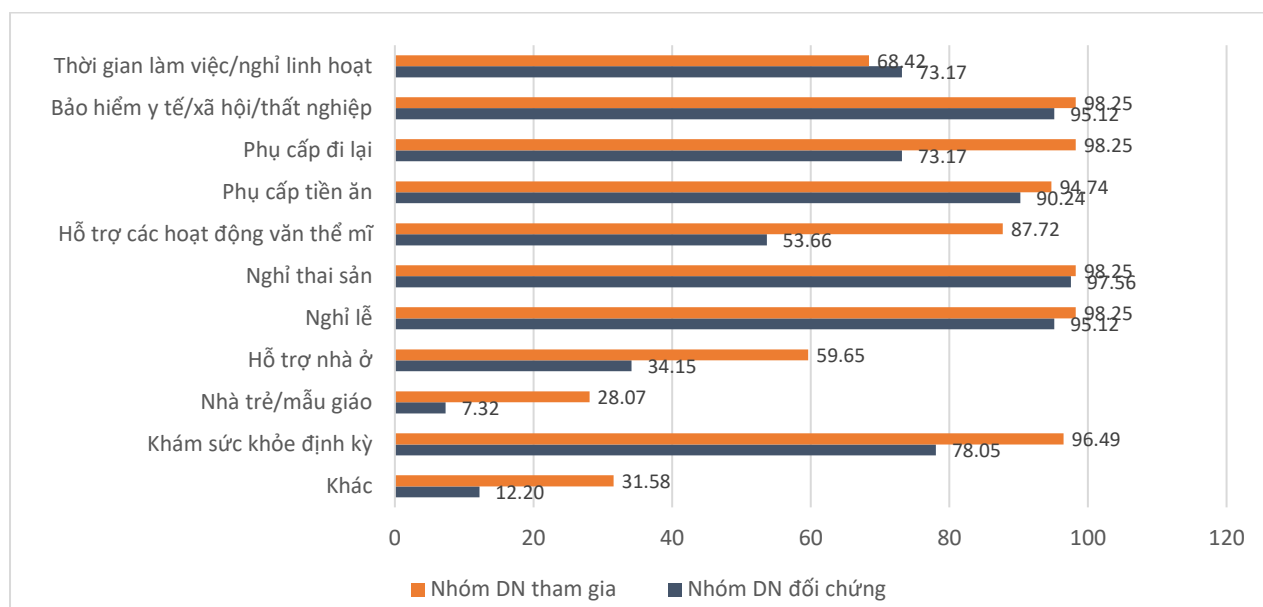
Hình 6. Tỷ lệ DN có điều chỉnh các quy định về chế độ lao động so với năm 2016



3.2.2. Chính sách về an sinh xã hội

Nhìn chung, tỷ lệ DN tham gia Chương trình thực thi các chính sách an sinh xã hội cho người lao động tốt hơn nhóm DN đối chứng. Đối với các chính sách bắt buộc như *Bảo hiểm y tế/xã hội/thất nghiệp, nghỉ thai sản, nghỉ lễ* thì hầu hết các doanh nghiệp tham gia Chương trình đều thực hiện (đạt gần 100%). Có khoảng 80-90% các doanh nghiệp tham gia Chương trình hiện đang áp dụng chính sách *hỗ trợ hoạt động văn thể mỹ, có quy định/chính sách đối với lao động nữ*. nhóm DN tham gia Chương trình có mức độ quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc của NLD tốt hơn nhóm đối chứng. Điều này thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp và tạo được sự an tâm cho mọi thành viên trong tổ chức, đặc biệt là lao động nữ, góp phần đảm bảo thu nhập và đời sống cho người lao động.

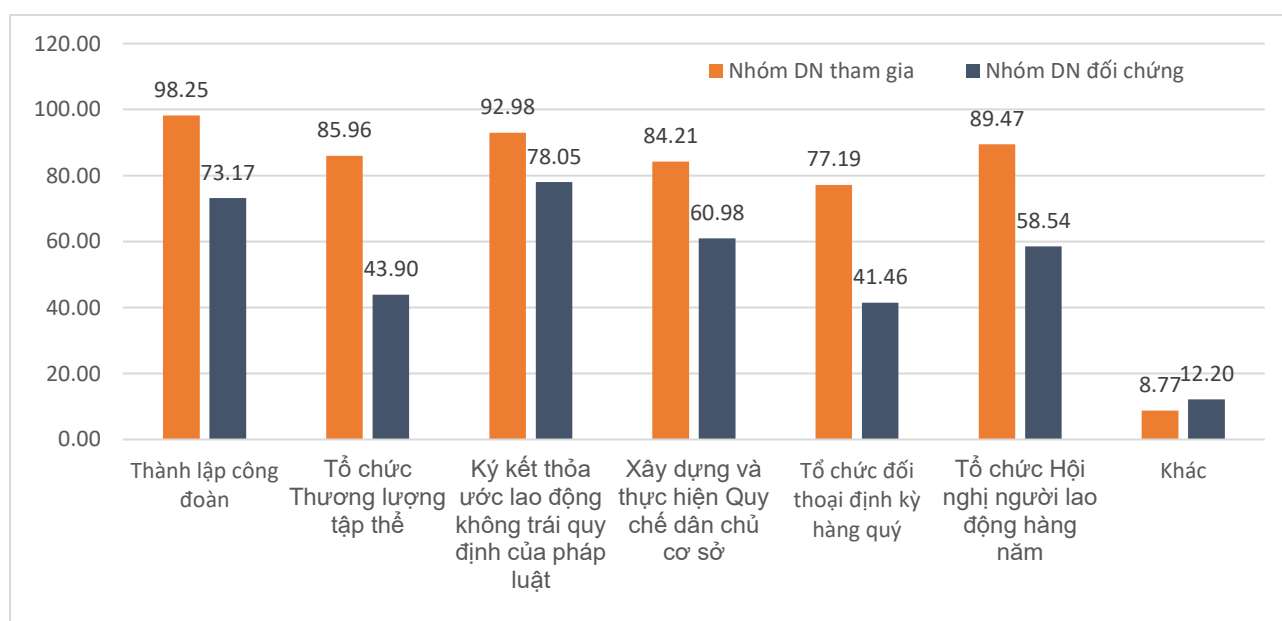
Hình 7. Tỷ lệ DN áp dụng những chính sách an sinh xã hội đối với người lao động



3.2.3. Các chỉ số về dân chủ ở nơi làm việc và thỏa ước lao động

Về quy chế dân chủ tại nơi làm việc, nhóm tham gia Chương trình thực hiện các hoạt động liên quan đến dân chủ tại nơi làm việc và thỏa ước lao động tập thể cao hơn đáng kể so với nhóm DN đối chứng, thể hiện ở tất cả các chính sách. Cụ thể, nhóm DN tham gia đều có tỷ lệ áp dụng chính sách dân chủ cao hơn từ 20-30% so với nhóm DN đối chứng.

Hình 8. Tỷ lệ DN đã thực hiện chỉ số PTBV liên quan đến dân chủ tại nơi làm việc và thỏa ước lao động tập thể



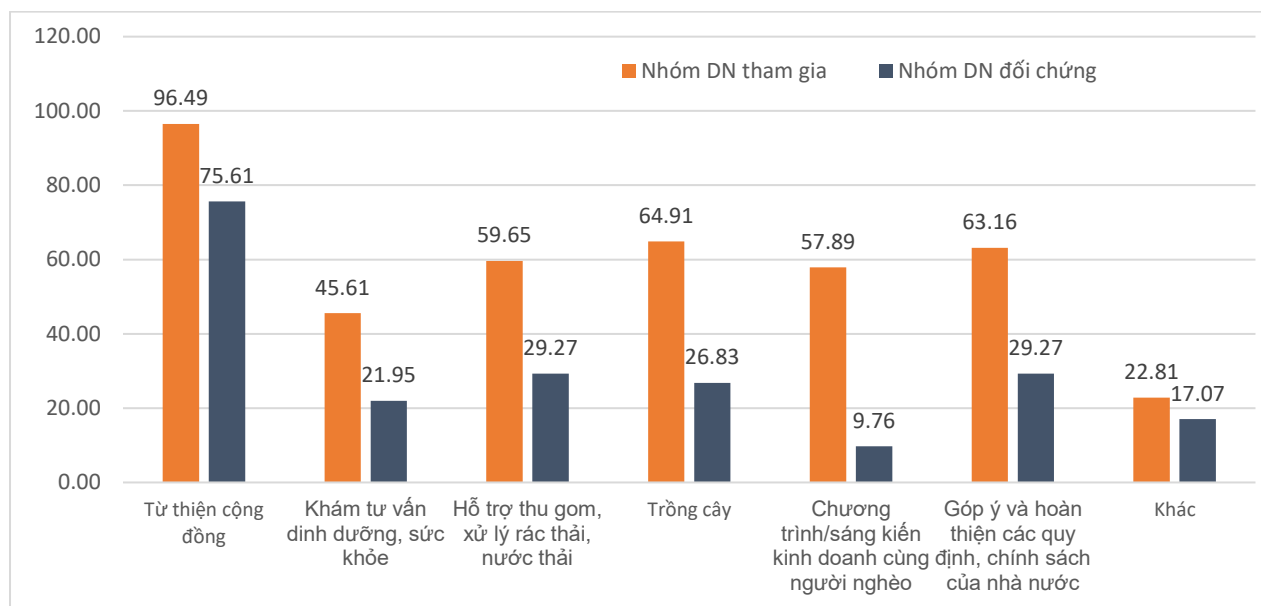
Các DN ở nhóm đã tham gia Chương trình đều cho biết họ đã thực hiện triển khai các hoạt động này tương đối lâu nên không đưa ra được thời điểm cụ thể là khi nào. Nói cách khác, các DN đã có sự chủ động trong việc thực hiện các chỉ số này khi họ có thể

đã triển khai từ trước khi luật yêu cầu. Điều này có thể xuất phát từ chính định hướng và chiến lược PTBV của DN.

3.2.4. Các chỉ số về quan hệ cộng đồng

Nhóm DN tham gia Chương trình thực hiện các hoạt động liên quan đến quan hệ cộng đồng tại địa phương cao hơn đáng kể so với nhóm DN đối chứng, ở tất cả các hoạt động. Trong đó, hoạt động *từ thiện cộng đồng* được cả 2 nhóm thực hiện nhiều nhất, có tỷ lệ áp dụng cao nhất (96.5% và 76%).

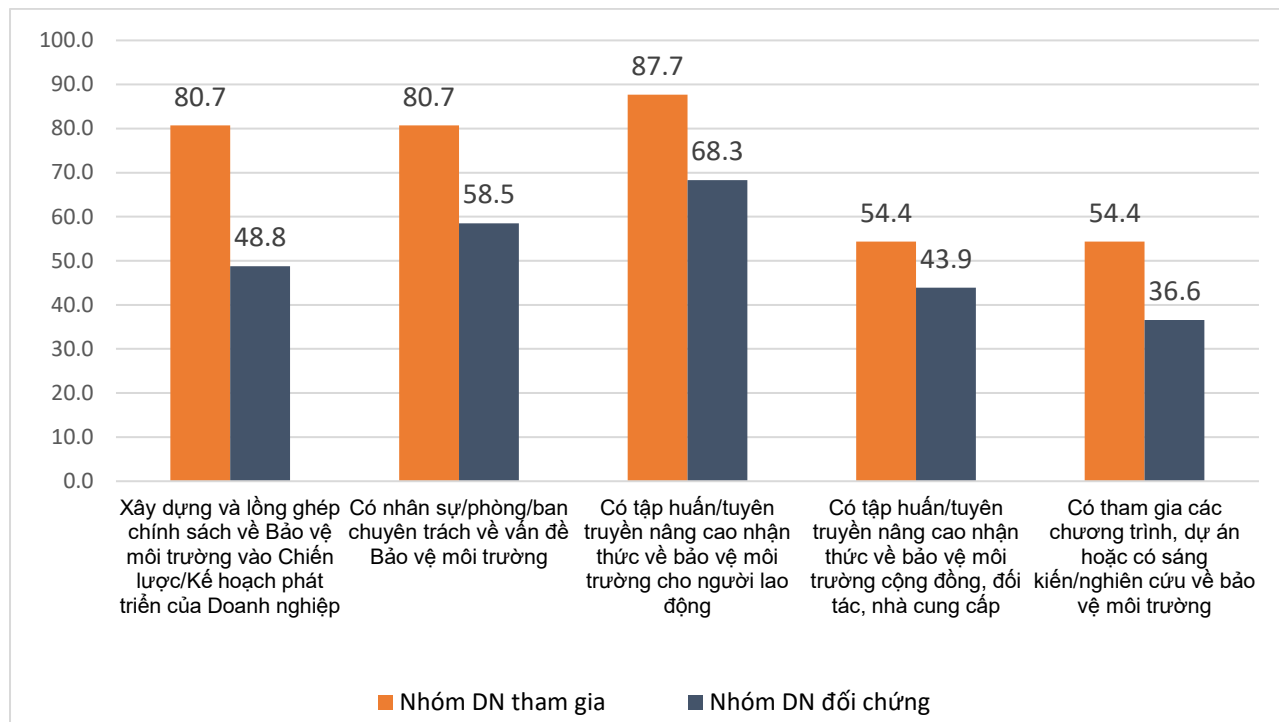
Hình 9. Tỷ lệ DN thực hiện các chỉ số liên quan đến quan hệ cộng đồng tại địa phương



3.3. Lĩnh vực bảo vệ môi trường

Về các chương trình, chính sách bảo vệ môi trường, nhóm DN tham gia Chương trình thực hiện các chương trình, chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường cao hơn so với nhóm DN đối chứng. Kết quả khảo sát cho thấy các DN tham gia chương trình chủ động hơn nhóm DN đối chứng, quan tâm hơn tới việc nâng cao nhận thức của NLD về vấn đề bảo vệ môi trường cũng như gắn hoạt động này vào trách nhiệm của chính DN. Hơn nữa, hơn một nửa DN tham gia Chương trình còn mở rộng trách nhiệm bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động nâng cao nhận thức cho các đối tác và cộng đồng.

Hình 10. Tỷ lệ DN đang thực hiện các chỉ số PTBV liên quan đến bảo vệ môi trường



Về thời gian áp dụng các chính sách về bảo vệ môi trường, các DN trong nhóm đã tham gia Chương trình cho biết họ đã xây dựng và áp dụng các văn bản liên quan đến bảo vệ môi trường từ khá sớm và được xuất phát từ quy trình sản xuất và yêu cầu quản lý chất lượng. Một vài DN trong khi đó, cũng cho biết việc xây dựng và áp dụng các văn bản và chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường là đáp ứng với yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

4. TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CSI ĐẾN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Như đã trình bày ở trên, Bộ chỉ số CSI là công cụ đo giá trị của DN dựa trên các tiêu chí về PTBV trong lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội, phù hợp với bối cảnh chính trị xã hội trong nước cũng như thông lệ quốc tế. Kết quả khảo sát phía trên cho thấy các DN Việt Nam đang có những thay đổi trong lĩnh vực quản trị nhằm hướng tới mô hình kinh doanh minh bạch và có trách nhiệm với môi trường và phát triển cộng đồng. Điều này sẽ có tác động tích cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của DN. Phần dưới đây sẽ minh chứng tác động của việc thực hiện các chỉ số PTBV tới hiệu quả kinh tế đối với DN.

4.1. TÁC ĐỘNG ĐẾN KẾT QUẢ SẢN XUẤT – KINH DOANH

Về kết quả hoạt động của DN, vì quy mô hoạt động của mỗi DN là khác nhau (bao gồm quy mô về vốn, về lao động và loại hình kinh doanh) nên để có cái nhìn khách quan về kết quả hoạt động kinh doanh của DN chúng tôi sử dụng các chỉ số liên quan đến năng suất lao động, hiệu suất sử dụng lao động và thu nhập (tỷ số của Doanh thu và Tổng số lao động) để đánh giá.

Bảng 3 cho thấy ở Nhóm DN đã tham gia Chương trình có kết quả cao hơn so với nhóm DN đối chứng ở tất cả các chỉ số. Trong đó chỉ số về năng suất lao động và trung bình hiệu suất sử dụng lao động cao hơn đáng kể so với nhóm DN đối chứng. Thu nhập trung bình của NLD của nhóm DN đối chứng năm 2018 bằng thu nhập của nhóm DN tham gia Chương trình năm 2015. Bên cạnh đó về *đóng góp cho xã hội*, nhóm DN tham gia Chương trình đã dành một khoản đóng góp lớn cho các hoạt động cộng đồng, gấp chục lần so với nhóm DN đối chứng.

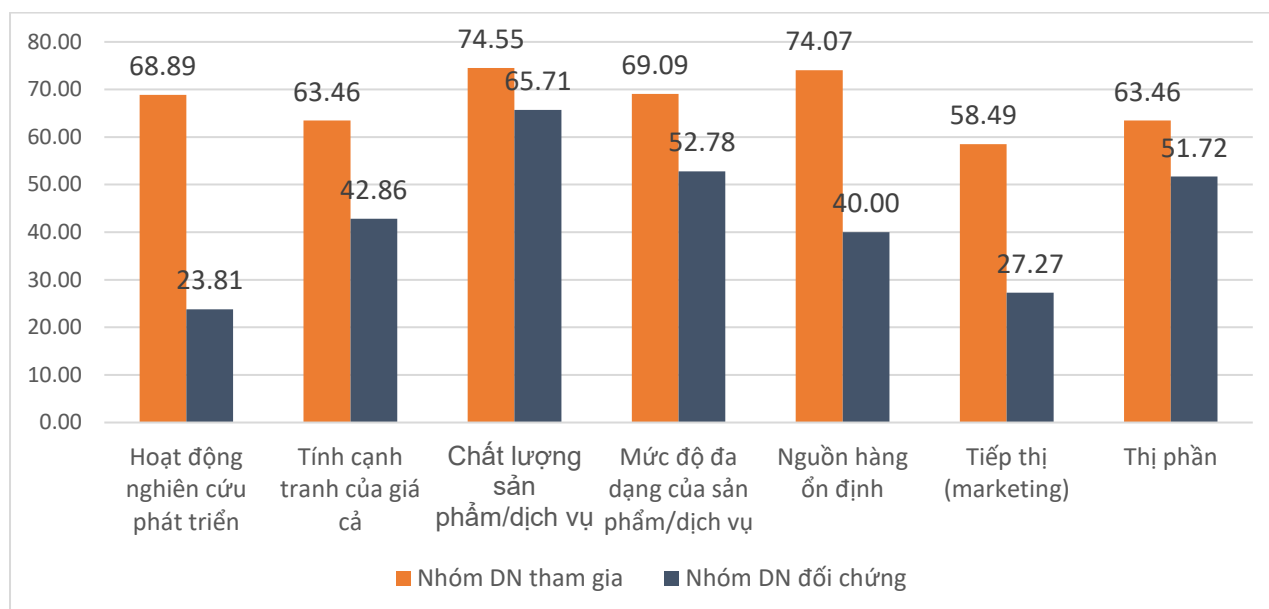
Bảng 1. Kết quả hoạt động SXKD – năng suất lao động

Nội dung	Nhóm DN đã tham gia		Nhóm DN chưa tham gia	
	Trung bình năm 2015	Trung bình năm 2018	Trung bình năm 2015	Trung bình năm 2018
Thu nhập bình quân của NLD (triệu đồng)	9.414	11.936	7.26	9.56
Năng suất lao động (tỷ đồng/người)	5.876	7.613	0.80	0.83
Trung bình hiệu suất sử dụng lao động	248.607	371.611	116.79	98.24
Đóng góp cho xã hội (tỷ đồng)	14.816	18.732	0.13	0.17

4.2. TÁC ĐỘNG ĐẾN NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Xét về năng lực cạnh tranh, khảo sát cho thấy phần lớn các DN tham gia Chương trình có cái nhìn khá tích cực về năng lực cạnh tranh của họ khi đa số các DN đều cho rằng các hoạt động của họ tốt hơn so với các đối thủ cạnh tranh khác trên thị trường. Con số này của nhóm DN đối chứng là thấp hơn hẳn. Trong đó đáng lưu ý là hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm của nhóm DN có tham gia Chương trình được đầu tư hơn hẳn so với các đối thủ cạnh tranh (lần lượt ở 2 nhóm là 69% và 24%). Hoạt động tiếp thị cũng được các DN đã tham gia Chương trình làm tốt hơn so với nhóm DN đối chứng khi chỉ 27% DN nhóm đối chứng tự tin làm tốt hơn đối thủ cạnh tranh so với gần 60% của nhóm DN đã tham gia.

Hình 11. Tỷ lệ DN đánh giá có hoạt động tốt hơn so với đối thủ cạnh tranh



4.2. KẾT LUẬN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG BỘ CHỈ SỐ CSI TỚI HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Kết quả khảo sát cho thấy có mối tương quan giữa việc thực hiện các chỉ số quản trị bền vững, và minh bạch thông tin, chỉ số trách nhiệm xã hội và môi trường với kết quả sản xuất kinh doanh của DN. Cụ thể là những DN có thực hiện các chỉ số PTBV đạt được kết quả sản xuất kinh doanh tốt hơn và năng suất lao động cũng cao hơn.

Bên cạnh đó khảo sát cũng ghi nhận rằng việc sử dụng Bộ Chỉ số CSI góp phần quan trọng trong việc giúp DN hoạch định chiến lược phát triển hiệu quả và bền vững, cũng như góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống và phát triển cộng đồng. Quan trọng hơn là thông qua việc sử dụng Bộ chỉ số CSI vị thế và hình ảnh của DN trong mắt người tiêu dùng và cộng đồng được nâng cao thông qua Chương trình Đánh giá, Công bố các DN Bền vững Việt Nam do VCCI-VSCBD tổ chức. Do đó phần lớn các DN đã tham gia Chương trình bày tỏ mong muốn tiếp tục đồng hành và gắn bó với Chương trình trong những năm tiếp theo. Không chỉ vậy, các DN hiện chưa tham gia cũng mong muốn có thêm thông tin về Bộ Chỉ số và tham gia Chương trình trong thời gian tới.

5. KHUYẾN NGHỊ

Kết quả khảo sát đã chứng minh việc áp dụng Bộ Chỉ số CSI vào quản trị doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh đã mang lại những tác động tích cực trong quá trình hướng tới PTBV của DN. Trong bối cảnh lập BCBV đang dần trở thành thông lệ quốc tế, việc thúc đẩy khối DN sử dụng Bộ chỉ số CSI để xây dựng BCBV là cần thiết. Tuy nhiên khảo sát cũng phản ánh một thực tế rằng việc lập BCBV còn khá mới mẻ đối với nhiều DN Việt Nam, nhất là các DN nhỏ và vừa. Do đó để hoạt động lập BCBV trở nên phổ biến hơn

trong khối Doanh nghiệp, một số khuyến nghị với Chính phủ và các cơ quan quản lý cũng như với Doanh nghiệp bao gồm:

5.1. Khuyến nghị với VCCI – VBCSD

Trong suốt 5 năm qua, VCCI-VBCSD đã triển khai nhiều hoạt động nhằm tuyên truyền và thúc đẩy việc xây dựng Bộ Chỉ số CSI vừa đảm bảo tuân thủ pháp luật của Việt Nam vừa phù hợp với các yêu cầu và thông lệ quốc tế. Để bộ chỉ số CSI được gần gũi và lan tỏa nhiều hơn nữa trong cộng đồng doanh nghiệp, trong thời gian tới VCCI-VBCSD cần:

- Nâng cấp bộ chỉ số CSI thành tiêu chí CSI đồng thời hoàn thiện phương pháp luận về xây dựng báo cáo bền vững dựa trên tiêu chí CSI.
- Tiếp tục hoàn thiện Bộ Chỉ số/Tiêu chí CSI theo hướng tích hợp những yêu cầu từ các cơ quan quản lý Nhà nước để Bộ Chỉ số CSI không chỉ giúp DN lập BCBV hay để tham gia Chương trình mà còn có thể sử dụng để báo cáo các cơ quan quản lý.
- Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức cho DN về ý nghĩa, lợi ích của BCBV và sử dụng Bộ Chỉ số.
- Tập huấn, xây dựng cẩm nang/tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cụ thể cho DN về việc áp dụng Bộ Chỉ số CSI và lập BCBV theo hướng dẫn Bộ Chỉ số CSI. Tài liệu hướng dẫn có thể cung cấp theo nhiều kênh, nhiều hình thức: trên trang thông tin điện tử, bản in...

Do số lượng DN rất lớn nên có thể tiếp cận truyền thông và hướng dẫn kỹ thuật cho DN theo lộ trình, thông qua việc phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp hoặc/và chính quyền địa phương.

5.2. Khuyến nghị với Chính phủ và các Bộ ngành

Các hoạt động của Chính phủ và các Bộ ban ngành đóng góp nhiều nhất trong việc thúc đẩy các DN tham gia thực hiện PTBV. Trong thời gian qua, Chính phủ đã ban hành các *hệ thống chính sách, pháp luật và các chương trình chung về PTBV*, trong đó có các chính sách thúc đẩy khối DN nhưng vẫn cần tiếp tục theo hướng:

- (i) *Thể chế hoá hoạt động lập BCBV là một công cụ bắt buộc để công bố và quản lý thông tin doanh nghiệp*

BCBV đem lại lợi ích cho nhiều bên bao gồm cả DN (trong việc quản trị nội bộ và là công cụ “giao tiếp” với cộng đồng), với các nhà quản lý (các cơ quan nhà nước trong việc theo dõi việc tuân thủ các quy định của pháp luật về các vấn đề liên quan đến NLĐ, bảo vệ môi trường, và trách nhiệm với cộng đồng), với các nhà đầu tư và công chúng, thể chế hóa việc lập BCBV trong hệ thống luật pháp như đưa vào Luật Doanh nghiệp như một trách nhiệm có tính bắt buộc của Doanh nghiệp. Do đây là vấn đề mới, chưa nhiều DN biết đến nên cần có một lộ trình cụ thể cho quá trình thể chế hoá hoạt động lập BCBV của DN

- (ii) *Xây dựng cơ chế để tích hợp/lồng ghép các yêu cầu/báo cáo của các Bộ ngành khác nhau vào BCBV để giảm chi phí và nguồn lực cho DN*

Bộ Chỉ số CSI tích hợp các chỉ số mang tính bao trùm, liên quan đến các lĩnh vực về bảo vệ quyền lợi của NLĐ, cải thiện môi trường lao động, bảo vệ môi trường, và nâng cao trách nhiệm xã hội của DN. BCBV của DN khi đó có nhiều thông tin liên quan tới các lĩnh

vực quản lí nhà nước khác nhau, do đó, sẽ là nguồn thông tin tốt, sẵn có phục vụ công tác quản lí nhà nước. Vấn đề đặt ra là cần có cơ chế yêu cầu các Bộ ban ngành khác sử dụng dữ liệu từ BCBV thay vì từng bộ ngành lại yêu cầu DN báo cáo riêng lẻ, gây mất thời gian và chi phí cho DN. Việc tích hợp như vậy sẽ giúp giảm gánh nặng liên quan đến việc Doanh nghiệp tốn nhiều nguồn lực cho nhiều các báo cáo cho các cơ quan quản lí khác nhau.

(iii) Xây dựng hệ thống/chương trình giám sát việc thực hiện của các DN một cách đồng bộ và liên tục.

Khi hoạt động lập BCBV trở thành yêu cầu bắt buộc thì song hành với nó là hệ thống/chương trình giám sát việc thực hiện của các DN. Điều này yêu cầu phía Chính phủ có chương trình dài hạn về việc xây dựng cơ sở dữ liệu về BCBV của Việt Nam, thống nhất, chuẩn hoá báo cáo để việc xây dựng, cập nhật báo cáo không trở thành gánh nặng cho DN, đối với cơ quan quản lí Nhà nước cũng sẽ dễ tiếp cận, sử dụng dữ liệu.

5.3. Khuyến nghị với các hiệp hội doanh nghiệp

Các hiệp hội doanh nghiệp cần hiểu được vai trò của Bộ chỉ số CSI cũng như việc lập BCBV để từ đó có những hoạt động cụ thể có liên quan tới các hội viên của mình. Một số khuyến nghị đối với hiệp hội như sau:

- Cử cán bộ tham gia các hoạt động về nâng cao nhận thức, nâng cao năng lực về việc áp dụng Bộ chỉ số CSI và lập BCBV do VCCI-BVCSD cùng các đối tác liên quan tổ chức trong nước và quốc tế để từ đó có thể tự triển khai truyền thông, tập huấn cho các hội viên.
- Các hiệp hội ngành nghề cần phối hợp cùng VCCI-VBCSD cùng các đối tác có liên quan xây dựng Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững riêng cho từng ngành.0

5.4. Khuyến nghị với các Doanh nghiệp

- Các DN cần tự nhận thức vai trò quan trọng của quá trình phát triển bền vững và BCBV. Do đó các DN cần chủ động trong việc phân bổ nguồn lực và sắp xếp nhân sự dành cho hoạt động lập BCBV.
- Chủ động tìm hiểu các thông tin liên quan đến việc lập BCBV. Hiện nay VCCI-VBCSD là cơ quan đầu mối được giao cho việc chủ trì và thực hiện hướng dẫn về Bộ Chỉ số CSI nên các DN có thể liên lạc với VCCI và các chi nhánh của VCCI ở địa phương để tìm kiếm sự trợ giúp về kỹ thuật nếu cần.
- Chủ động tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế để cải thiện khả năng áp dụng và triển khai bộ chỉ số CSI như tham gia vào các diễn đàn và các cuộc thi về BCBV trong nước, trong khu vực và trên thế giới.

CÁC HỘI VIÊN CỦA VBCSD

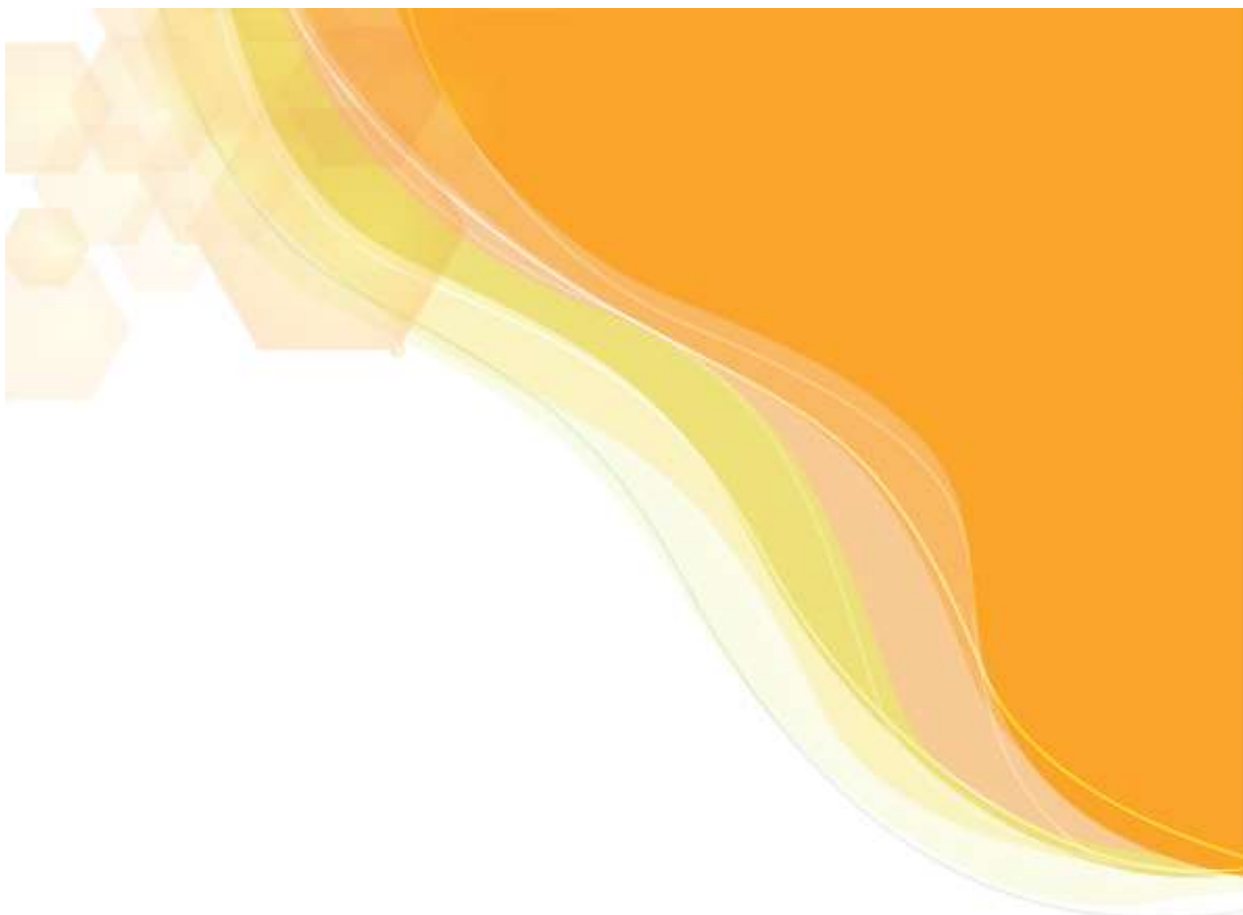


Hội viên Chính thức



Hội viên Liên kết





**HỘI ĐỒNG DOANH NGHIỆP
VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VIỆT NAM**

Tầng 4, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh,
quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 3577 2700
Website: vbcsd.vn

